

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HN-ST

Ngày: 01-02-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Phạm Quốc Toàn

- **Thư ký phiên Tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nH dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2023 tại trụ sở Tòa án nH dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Võ Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Hồ Hồng H, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp 5, xã H1, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Nguyễn Ngọc H trình bày:

Chị và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân (ghi tắt là UBND) xã H1 (G, B) vào ngày 11/8/2020. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly tH, cả hai không liên lạc và không có thiện chí hàn gắn. Gia đình hai bên cũng không có ý kiến. Do hai bên không còn tình cảm vợ chồng, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị yêu cầu ly hôn với anh H. Con chung là Hồ Bích T sinh ngày 08/12/2020 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu

anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Hồ Hồng H vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Võ Nguyễn Ngọc H.

Tại phiên tòa:

Chị Võ Nguyễn Ngọc H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Hồ Hồng H vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (ghi tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật (ghi tắt là VBQPPL) có liên quan. Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng, đầy đủ quy định tại Điều 237 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Bị đơn chưa tham gia đầy đủ các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS, vụ án vẫn được xét xử theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H:

+ Về hôn nH: chị H được ly hôn với anh H;

+ Về con chung: giao con chung là Hồ Bích T sinh ngày 08/12/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi. Vì lợi ích của con, chị H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nH, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị H trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nH: do chị H và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã H1 (G, B) vào ngày 11/8/2020 nên quan hệ hôn nH là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và sống ly tH từ tháng 8/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly tH, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn, hòa giải. Trong quá trình tố tụng, chị H xác định hai bên không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt; anh H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Qua đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nH không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nH và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Hồ Bích T sinh ngày 08/12/2020. Xét thấy, từ khi chị H và anh H ly tH cho đến nay, con chung do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định; tính đến thời điểm xét xử con chung chưa đủ ba tuổi; anh H cũng không tranh chấp nuôi con. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị H và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nH và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm: chị H, anh H mỗi bên phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nH và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Hồ Hồng H.

2/- Con chung: Hồ Bích T, sinh ngày 08/12/2020.

Giao Hồ Bích T sinh ngày 08/12/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc anh H có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng được tính kể từ ngày 01/02/2023. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cả nH, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nH và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/- Án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Võ Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011025 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị H đã nộp xong.

Buộc anh Hồ Hồng H phải nộp số tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã H1,
- (G, B);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các hội thẩm nhân dân

Đặng Thị Ngọc Duyên